

Bản án số: **07/2023/DS - PT**

Ngày: 10 – 01 – 2024

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Hiếu

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Bé

Ông Vũ Việt Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kiều Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2023/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân Huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 209/2023/QĐPT – DS ngày 05 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 264/2023/QĐ – PT ngày 20 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 297/2023/QĐ – PT ngày 28 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1977 và bà **Nguyễn Thị Lệ D**, sinh năm: 1985; Cùng địa chỉ: Tổ xx, thôn A, xã B, Huyện C, TP Đà Nẵng. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Ngô Văn Bình, Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê Ngô Hoài Phong (Phong & Partners), thẻ Luật sư số: 6104/LS cấp ngày 20/5/2011, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt

2. Bị đơn: Ông **Đặng Thái H**, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ xx, thôn A 1, xã B, Huyện C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ D trình bày:*

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ D được Ủy ban nhân dân Huyện Hoà Vang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W618xxx ngày 04/03/2003 đối với thửa đất số xxx, tờ bản đồ số x, diện tích đất 210m² (10m x 21m) tại Tổ xx, thôn A, xã B, Huyện C, thành phố Đà Nẵng. Ông Đặng Thái H là chủ sử dụng đất liền kề được Ủy ban nhân dân Huyện Hoà Vang có thửa đất số xxx, tờ bản đồ số x, diện tích đất là 135m² (9m x 15m) đã lấn chiếm sang phần diện tích đất của ông, bà với diện tích là 14,5m² (chiều rộng phía tiếp giáp đường DH2 0,68m, phía sau 0,69m x chiều dài 22m và 21,80m) theo kết quả đo đạc tại Sơ đồ vị trí thửa đất ngày 12/5/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng. Đã nhiều lần Ủy ban nhân dân xã Hòa Nhơn đã tổ chức hòa giải cũng như ông bà yêu cầu ông H trả lại phần diện tích đất lấn chiếm nhưng ông H vẫn không chịu trả. Do vậy, ông bà yêu cầu ông H tháo dỡ mốc giới hoàn trả lại cho ông bà diện tích đất là 14,5m².

** Bị đơn ông Đặng Thái H trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:*

Ông có 01 lô đất nằm trên đường DH2, được Ủy ban nhân Huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 504103 ngày 30/01/2004 đối với thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xx, diện tích đất là 135m² (9m x 15m), (hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã mất, đang làm thủ tục xin cấp lại). Nguồn gốc lô đất ông nhận chuyển nhượng từ ông Ngô Văn Đ với diện tích 10m x 30m, đã có ranh giới rõ ràng bằng bờ kè xây dựng đá xi măng, có sự đồng ý của các chủ đất liền kề. Sau đó, ông làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng vì điều kiện kinh tế khó khăn nên chỉ làm 01 phần diện tích quyền sử dụng đất trên diện tích 300m² đã mua. Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông đã tiến hành làm nhà ở có diện tích 25m² và mặt bằng 300m² để cho thuê. Qua 18 năm sử dụng, mặt bằng trên không có sự khiếu kiện hay tranh chấp đối với các hộ liền kề và ông Dương Văn C đã thuê và sử dụng từ năm 2004 cho đến nay cũng xác nhận không có ai tranh chấp. Nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện ông T, bà D mà chỉ đồng ý trả lại phần diện tích đất theo Sơ đồ vị trí đề nghị thu hồi đất giao đất để xây dựng nhà ở kèm theo Quyết định số 3838/QĐ-UB ngày 31/12/2002 đã cấp cho ông T và bà D có chiều rộng 10m x chiều dài 21m. Theo Sơ đồ vị trí thửa đất ngày 12/5/2023 của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường Đà Nẵng thì phần diện tích đất ông trả lại cho ông T và bà D như sau: Chiều rộng phía trước tiếp giáp

đường ĐH2 là 10m (9,92m + 0,08m), chiều rộng phía sau là 10m (9,42m + 0,58m); chiều dài 21m.

* Về kết quả đo đạc của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường Đà Nẵng tại Sơ đồ vị trí thửa đất ngày 12/5/2023; Kết quả Chứng thư thẩm định giá số 5230164/BCTĐG ngày 07/6/2023 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ tài chính BTC Miền Trung thì giá trị quyền sử dụng đất (phần đất tranh chấp) tại thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xx và thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xx, địa chỉ thôn A, xã B, Huyện C, thành phố Đà Nẵng là 153.491.664 đồng các đương sự thống nhất và không có ý kiến gì.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu:*

+ Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm. Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa những người tham gia tố tụng đã có bản trình bày và cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định tại các Điều 71, 72, 73 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 36, Điều 147, các Điều 227, 266, 267, 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự; các Điều 166, 168, 202 Luật đất đai; các Điều 175, 176 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Lệ D đối với bị đơn ông Đặng Thái H.

Buộc ông Đặng Thái H phải trả lại cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Lệ D phần diện tích đất là 6,93m²(chiều rộng phía trước tiếp giáp vỉa hè đường ĐH2 nhựa là 0,08m, chiều rộng phía sau là 0,58m; chiều dài là 21m) tại thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xx, địa chỉ thôn A, xã B Huyện C, thành phố Đà Nẵng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Lệ D đối với bị đơn ông Đặng Thái H về việc buộc ông Đặng Thái H phải trả lại phần diện tích đất là 7,57m².

3. Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí đo đạc và định giá các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

** Với nội dung vụ án như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2023/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân Huyện Hòa Vang, thành phố Đà*

Năng quyết định:

Căn cứ: - Khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 36, Điều 147, các Điều 227, 266, 267, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 168, 202 Luật đất đai; các Điều 175, 176 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Lệ D đối với bị đơn ông Đặng Thái H.

- Buộc ông Đặng Thái H phải trả lại cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Lệ D phần diện tích đất là 6,93m² (chiều rộng phía trước tiếp giáp vỉa hè đường ĐH2 nhựa là 0,08m, chiều rộng phía sau là 0,58m; chiều dài là 21m) tại thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xx, địa chỉ thôn A, xã B, Huyện C, thành phố Đà Nẵng, (có sơ đồ kèm theo).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Lệ D đối với bị đơn ông Đặng Thái H về việc buộc ông Đặng Thái H phải trả lại phần diện tích đất là 7,57m².

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 03 tháng 8 năm 2023, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ D có Đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với phần quyết định: *Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Lệ D đối với bị đơn ông Đặng Thái H về việc buộc ông Đặng Thái H phải trả lại phần diện tích đất là 7,57m²*; Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ D, trong đó buộc bị đơn ông Đặng Thái H phải trả lại phần diện tích đất là 7,57m² mà Bản án sơ thẩm không chấp nhận.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ D giữ nguyên nội dung kháng cáo. Ngoài ra, ông T và bà D còn có yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với phần diện tích đất đang tranh chấp và yêu cầu bổ sung UBND Huyện Hòa Vang và Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng vào tham gia trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Luật sư Ngô Văn Bình bảo vệ quyền, lợi ích của nguyên đơn thống nhất với nội dung kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị HĐXX chấp nhận đề nghị xem xét, thẩm định tại chỗ và bổ sung người tham gia tố tụng của nguyên đơn. Ngoài ra, Luật

sư Bình còn cho rằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W618xxx do UBND Huyện Hòa Vang cấp ngày 04/03/2003 đối với thửa đất số xxx là cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất X 504xxx do UBND Huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30/01/2004 đối với thửa đất số 352 là cấp cho hộ ông Đặng Thái H nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa thành viên hộ gia đình ông T và hộ gia đình ông H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là xác định thiếu tư cách đương sự trong vụ án. Do đó, đề nghị HĐXX:

1. Hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số: 37/2023/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân Huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

2. Hoặc sửa một phần Bản án sơ thẩm buộc ông Đặng Thái H phải trả lại phần diện tích đất là 7,57m² mà Bản án sơ thẩm không chấp nhận.

- Bị đơn ông Đặng Thái H không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ D; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2023/DS-ST ngày 24/7/2023 của TAND Huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ D: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án nhân dân Huyện Hòa Vang đã tiến hành thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ theo Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ số: 58/2022/QĐ-XXTĐTC ngày 17/10/2022 và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/10/2022. Việc xem xét, thẩm định tại chỗ có mặt của đại diện UBND xã B nơi có đất tranh chấp và nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bị đơn ông Đặng Thái H chứng kiến theo quy định tại khoản 1 Điều 101 Bộ luật TTDS. Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Bộ luật TTDS. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự đều xác nhận, sau khi Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đến nay diện tích đất tranh chấp, ranh giới vẫn được giữ nguyên không thay đổi. Do đó, không có cơ sở chấp

nhận đề nghị việc xem xét, thẩm định tại chỗ lại đối với diện tích đất tranh chấp của nguyên đơn.

[2] Về yêu cầu bổ sung UBND Huyện Hòa Vang và Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng vào tham gia trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan của nguyên đơn. Xét, việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất của nguyên đơn và bị đơn trong vụ án không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của UBND Huyện Hòa Vang; Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng là cơ quan giám định do Tòa án cấp sơ thẩm trưng cầu giám định để thực hiện đo đạc diện tích đất có tranh chấp, việc giải quyết vụ án không liên quan đến quyền, nghĩa vụ của cơ quan giám định. Do đó, nguyên đơn yêu cầu đưa những cơ quan này vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không có cơ sở theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ D.

[3.1] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất W 618xxx, số vào sổ: 02xxxQSDĐ/2008/QĐ-UB do UBND Huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T ngày 04/3/2003, hộ ông T được quyền sử dụng thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xx với diện tích 210m² đất ở. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất X 504xxx, số vào sổ: 03393 QSDĐ/1128/QĐ-UB do UBND Huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cấp cho hộ ông Đặng Thái H ngày 30/01/2004, hộ ông H được quyền sử dụng thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xx với diện tích 135m² đất ở.

Tại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông T và ông H nêu trên không thể hiện tứ cận cũng như chiều rộng, chiều dài của thửa đất. Tuy nhiên, theo Sơ đồ vị trí đề nghị thu hồi đất, giao đất để xây dựng nhà ở (Kèm theo Quyết định số: 3838/QĐ-UB ngày 31/12/2002) của UBND Huyện Hòa Vang, cấp đất cho hộ ông Nguyễn Văn T) và Sơ đồ vị trí đề nghị thu hồi đất, giao đất để xây dựng nhà ở (Kèm theo Quyết định số: 10483/QĐ-UB ngày 29/8/2003) của UBND Huyện Hòa Vang, cấp đất cho hộ ông Đặng Thái H, thì: hộ ông T được cấp thửa đất có chiều ngang giáp đường đi là 10m, diện tích đất là 210m²; hộ ông Đặng Thái H được cấp thửa đất có chiều ngang giáp đường đi là 09m, diện tích đất là 135m². Thửa đất của hộ ông T và ông H liền kề nhau. Theo Sơ đồ vị trí đề nghị thu hồi đất, giao đất để xây dựng nhà ở cấp cho hộ ông T và hộ ông H thì mặt trước giáp với đường đi và mặt sau của hai thửa đất là cạnh xéo, hai thửa đất không phải là hình vuông như ông T bà D và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông T bà D trình bày. Từ các sơ đồ vị trí đề nghị thu hồi đất, giao đất để xây dựng nhà ở này thì hộ ông T và ông H mới được cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như nêu trên.

[3.2] Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 07/7/2022 và tại Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai do UBND xã B tiến hành vào ngày 31/5/2022, tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Lệ D cũng xác định mặt trước thửa đất số xxx của hộ ông T được cấp (chiều ngang của thửa đất) giáp đường ĐH2 là 10m. Mặt sau thửa đất số xxx của hộ ông T giáp với thửa đất thuộc quyền sử dụng của người khác sử dụng ổn định không có tranh chấp. Chiều dài phần tiếp giáp thửa đất số xxx của hộ ông T và thửa đất số 352 của hộ ông H có tranh chấp thì thửa đất ông H dài hơn đất ông T. Như vậy, trường hợp ông H có lấn chiếm đất của ông T thì chỉ có phần chiều rộng phía trước giáp với đường ĐH2 kéo dài ra sau hết thửa đất của ông T.

[3.3] Theo Sơ đồ vị trí thửa đất ngày 12/5/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng đo đạc thực tế thửa đất của hộ ông T hiện có chiều rộng phía trước tiếp giáp vỉa hè đường ĐH2 nhựa là 9,92m, thửa đất của hộ ông H hiện có chiều rộng phía trước tiếp giáp vỉa hè đường ĐH2 nhựa là 10,25m; thửa đất của hộ ông T hiện có chiều rộng phía sau là 9,42m, thửa đất của hộ ông H hiện có chiều rộng phía sau là 9,87m; Về chiều dài thửa đất (*phần có tranh chấp*) thửa đất hộ ông T dài 22m, ít hơn thửa đất ông H 3,03m. Như đã phân tích tại phần [3.1], [3.2] chiều rộng trước, sau thửa đất số xxx của hộ ông T là 10m và là cạnh xéo, so với kết quả đo đạc thực tế thửa đất ông T thì chiều rộng phía trước tiếp giáp vỉa hè đường ĐH2 nhựa thiếu là $(10\text{m} - 9,92\text{m}) = 0,08\text{m}$, chiều rộng phía sau thiếu là $(10\text{m} - 9,42\text{m}) = 0,58\text{m}$. Chiều dài thửa đất của ông T được cấp là 21m. Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn buộc ông H phải trả lại cho ông T và bà D phần đất phía trước tiếp giáp vỉa hè đường ĐH2 0,08m và phần đất phía sau là 0,58m, kéo dài từ trước ra sau có diện tích là $6,93\text{m}^2$, không chấp nhận yêu cầu buộc ông H trả phần diện tích đất tranh chấp còn lại là $7,57\text{m}^2$ là có cơ sở. (*có sơ đồ kèm theo*). Do đó, kháng cáo của ông T bà D đề nghị HĐXX buộc ông H trả tiếp phần diện tích đất tranh chấp còn lại là $7,57\text{m}^2$ là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa Luật sư Ngô Văn Bình còn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa thành viên hộ gia đình ông ông Đặng Thái H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là xác định thiếu tư cách đương sự trong vụ án. Do đó, đề nghị HĐXX hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Xét, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ D chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm đối với phần quyết định không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó đề nghị hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm là vượt quá phạm vi kháng

cáo của ông T bà D. Ngoài ra, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Đặng Thái H ngày 30/01/2004, ông H xác nhận thời điểm được cấp quyền sử dụng đất ông mới 23 tuổi, chưa có gia đình vợ con, hiện ông H cũng là người đang quản lý, sử dụng thửa đất có phần ông T bà D đang tranh chấp, không liên quan đến người nào khác. Do đó, Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông T bà D cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiếu tư cách đương sự trong vụ án là không có cơ sở.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Đặng Thái H có Đơn kiến nghị về việc xem xét lại mức chi phí đo đạc, giám định và thẩm định giá theo Bản án sơ thẩm, do gia đình ông thuộc trường hợp khó khăn. HĐXX xét thấy, ông H không kháng cáo bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo của ông T bà D cũng không liên quan đến chi phí tố tụng; Đồng thời phần quyết định của bản án sơ thẩm đối với các chi phí tố tụng này đúng quy định của pháp luật. Do đó, HĐXX không có cơ sở xem xét nội dung kiến nghị của ông H.

[6] Từ những phân tích nhận định trên, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ D và ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn; Chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí phúc thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông Thuần bà D phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đ do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ D.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2023/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân Huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ:

- Khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 36, Điều 147, các Điều 227, 266, 267, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 168, 202 Luật đất đai; các Điều 175, 176 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Lệ D đối với bị đơn ông Đặng Thái H.

Buộc ông Đặng Thái H phải trả lại cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Lệ D phần diện tích đất là 6,93m²(chiều rộng phía trước tiếp giáp vỉa hè đường ĐH2 nhựa là 0,08m, chiều rộng phía sau là 0,58m; chiều dài là 21m) tại thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xx, địa chỉ thôn A, xã B, Huyện C, thành phố Đà Nẵng, (có sơ đồ kèm theo).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Lệ D đối với bị đơn ông Đặng Thái H về việc buộc ông Đặng Thái H phải trả lại phần diện tích đất là 7,57m².

3. Về án phí dân sự:

3.1. Án phí sơ thẩm:

- Ông ông Đặng Thái H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.667.900 đồng.

- Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Lệ D phải chịu án phí là 4.006.600đồng (bốn triệu, sáu nghìn, sáu trăm đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.250.000đồng (một triệu, hai trăm, năm mươi nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004458 ngày 11/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng. Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Lệ D còn phải tiếp tục nộp thêm số tiền là 2.756.600đồng (hai triệu, bảy trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm đồng).

3.2. Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ D phải chịu 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu số 0000462 ngày 16/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Hòa Vang, Tp Đà Nẵng.

4. Về chi phí tố tụng khác: Chi phí trưng cầu giám định giám định và thẩm định giá: 10.846.000đồng (mười triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn) do ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Lệ D đã nộp và đã chi, các đương sự phải chịu như sau:

4.1. Ông Đặng Thái H phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Lệ D số tiền là 5.202.800đồng (năm triệu, hai trăm lẻ hai nghìn, tám trăm đồng).

4.2. Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Lệ D phải chịu số tiền là 5.643.200đồng (năm triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn, hai trăm đồng).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Chi Cục THADS Huyện Hòa Vang;
- Tòa án nhân dân Huyện Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Cao Văn Hiếu